

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/DS-ST

Ngày: 27-12-2021

Về việc: “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Kim Hương.

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 116/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-DS ngày 10/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐST-DS ngày 30/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng T, Phường Vĩnh Thanh V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: bà Trần Tuấn A – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Văn N – Chức vụ: Nhóm trưởng Cộng tác viên tín dụng Ngân hàng TMCP K – PGD T.

Địa chỉ: 50 – 52 Khu Trung tâm hành chính tỉnh, Phường S, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: N Ấp 2, xã Hướng Thọ P, thành phố T, tỉnh Long An.

2/ Ông **Lê Lạc T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: B Nguyễn Quang Đ, Phường N, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông N, ông T, bà D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2021 và các lời trình bày của Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần K do ông Đỗ Văn N đại diện có nội dung:

Ngày 21/02/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần K (viết tắt là Ngân hàng K) và ông Lê Lạc T, bà Nguyễn Thị Phương D có ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A149826/HĐTD-CC vay số tiền 10.000.000đ; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay là 180 ngày; lãi suất vay là 14,94%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; hình thức thanh toán là gốc lãi chia đều, trả nợ hàng ngày. Không có tài sản bảo đảm khoản vay. Kể từ ngày giải ngân đến nay, bà D và ông T đã thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 04/5/2017 (tức là 72 ngày/180 ngày) và cho đến nay liên tục vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 29/3/2021 (là ngày Ngân hàng khởi kiện), bà D và ông T còn nợ Ngân hàng K số tiền gốc vay là 6.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 442.060đ, tiền lãi quá hạn là 5.249.466đ, tổng cộng là 11.691.526đ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 27/12/2021) thì bà D và ông T còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau: tiền gốc vay là 6.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 442.060đ và tiền lãi quá hạn là 6.255.153đ, tổng cộng là 12.697.213đ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D, ông T trả cho Ngân hàng số tiền vay và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 27/12/2021 là 12.697.213đ. Yêu cầu bà D, ông T tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong số tiền vay.

Bị đơn, ông Lê Lạc T và bà Nguyễn Thị Phương D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Ông Lê Lạc T và bà Nguyễn Thị Phương D đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các ông, bà không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của ông, bà đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, ông T, bà D cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP K khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Lê Lạc T, bà Nguyễn Thị Phương D có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào **Khoản 3 Điều 26**; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông T, bà D đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T, bà D không chấp hành. Riêng đối với bên phía Nguyên đơn thì người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt trong các phiên tòa xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt các đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: Căn cứ theo “Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A149826/HĐTD-CC” ngày 21/02/2017 được ký kết giữa Ngân hàng K và bà Nguyễn Thị Phương D, ông Lê Lạc T có chữ ký tên và chữ viết tên Nguyễn Thị Phương D, Lê Lạc T nên đủ cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo phương thức vay trả góp, mục đích vay buôn bán, thời hạn vay là 180 ngày, lãi suất vay là 14,94%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn. Hình thức và cách thức trả nợ: gốc lãi chia đều, trả nợ hàng ngày. Trong quá trình giao dịch, bà Nguyễn Thị Phương D, ông Lê Lạc T đã trả được đến ngày 04/5/2017 (tức là 72 ngày/180 ngày) thì vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng K khởi kiện tại Tòa án. Bà D, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các đương sự không chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án, ông T, bà D cũng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh mình đã thực hiện xong nghĩa vụ đối với khoản vay đã ký kết với Ngân hàng K. Do vậy, có đủ cơ sở buộc ông T, bà D phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 12.697.213đ còn nợ cho Ngân hàng K theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về phương thức thanh toán: Ngân hàng K yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D, ông Lê Lạc T có nghĩa vụ trả tiền vay. Bà D, ông T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà D, ông T trả cho ngân hàng K số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất phát sinh sau ngày 27/12/2021 (là ngày xét xử sơ thẩm): Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: “Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay”.

Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở buộc bà Nguyễn Thị Phương D và ông Lê Lạc T tiếp

tục chịu lãi suất từ ngày 28/12/2021 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận với Ngân hàng K theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A149826/HĐTD-CC ngày 21/02/2017 tương ứng với số vốn và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền vay.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương D và ông Lê Lạc T phải chịu án phí sơ thẩm 635.000đ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ngân hàng K không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Ngân hàng K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 288 Bộ luật dân sự; **Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010**; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D và ông Lê Lạc T trả số tiền gốc vay là 6.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 442.060đ, tiền lãi quá hạn là 6.255.153đ, tổng cộng là 12.697.213đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương D và ông Lê Lạc T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tiền gốc vay là 6.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 442.060đ, tiền lãi quá hạn là 6.255.153đ, tổng cộng là 12.697.213đ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Phương D và ông Lê Lạc T phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 28/12/2021 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận với Ngân hàng thương mại cổ phần K theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A149826/HĐTD-CC ngày 21/02/2017 tương ứng với số tiền vốn và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương D và ông Lê Lạc T phải nộp 635.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu số 0005330 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh